TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 72/2017/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 10 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 76/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lường Anh T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn SV 1, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Đàm Thị Bích L, sinh năm: 1990.

HKTT: Thôn SV 1, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Thôn LB 2, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1) Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà CC5, bán đảo LĐ, HL, HM, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th – Tổng Giám đốc của Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Đình L – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, chi nhánh tỉnh Thái Nguyên.

(Theo văn bản ủy quyền thường xuyên tại Quyết định số: 1401/QĐ-NHCS ngày 16/4/2012 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội).

2) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Trụ sở chính: Số 2, LH, phường TC, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chủ tịch hội đồng thành viên của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Mông Thị Th – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Theo văn bản ủy quyền thường xuyên tại Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam)

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 60, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lường Anh TT, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Thôn SV 1, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Đàm Thị Bích L, sinh năm: 1990.

HKTT: Thôn SV 1, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Thôn LB 2, xã SP, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Sự thỏa thuận giữa anh Lường Anh T– Nguyên đơn với chị Đàm Thị Bích L – Bị đơn cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh Lường Anh T và chị Đàm Thị Bích L có 01 con chung là Lường Phạm Thu C, sinh ngày 03/11/2010. Sau khi ly hôn, chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng, anh Lường Anh T cấp dưỡng nuôi con chung Lường Phạm Thu Cc với mức 1.500.000^{đ} (một triệu năm trăm nghìn đồng)/ tháng cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù có thể bị khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Anh Lường Anh T và chị Đàm Thị Bích L có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Lường Anh T và chị Đàm Thị Bích L xác định vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2.2. Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Lường Anh T – Nguyên đơn, chị Đàm Thị Bích L – Bị đơn với Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

Anh Lường Anh T – nguyên đơn, chị Đàm Thị Bích L – bị đơn với đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Chính sách Xã hội - ông Ma Đình L – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đ - Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên thỏa thuận: Anh Lường Anh T và chị Đàm Thị Bích L nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội với số tiền vay là 50.000.000^{đ} (năm mươi triệu đồng) tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện Đ từ ngày 23/4/2016, theo sổ vay vốn có mã khách hàng: 2000103082, mã món vay: 6600000707196895. Sau khi ly hôn, anh Lường Anh T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cả gốc và lãi theo quy định của Ngân hàng.

Anh Lường Anh T – nguyên đơn, chị Đàm Thị Bích L – bị đơn với đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – bà Mông Thị Th - Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thỏa thuận: Anh Lường Anh T và chị Đàm Thị Bích L nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam với số tiền vay là 200.000.000^{đ} (hai trăm triệu đồng) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên – Phòng giao dịch YT theo hợp đồng tín dụng vay số HĐTD: 8502 – LAV-201601862/HĐTD ngày 03/8/2016; Mã số KH: 8502-185273540. Sau khi ly hôn, anh Lường Anh T có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cả gốc và lãi theo quy định của Ngân hàng.

- Về án phí: Anh Lường Anh T tự nguyện chịu 150.000^{đ} tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Lường Anh T phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm.

Cả hai khoản án phí trên được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017901 ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sang tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên.
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục thi hành án huyện Đ;
- UBND xã SP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
Thẩm phán

Hoàng Văn Kiểm